TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 244/2017/HC-PT
Ngày 15/9/2017
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2017/TLPT-HC ngày 20 tháng 01 năm 2017 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2016/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 267/2017/QĐ - PT ngày 10 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1937;

Địa chỉ: ấp TY, xã TK, huyện CG, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A14/8 NHT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã LH, huyện BL, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 11/8/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Sơn L1 – Công ty Luật hợp danh NTV thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

**** Người bị kiện:***

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn L2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA. (Giấy ủy quyền số 1759/UBND-TCD, ngày 26/4/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1 – Trưởng phòng pháp chế Sở tài nguyên môi trường tỉnh Long An (Vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG (Vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà NLQ1, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1943;

Cùng địa chỉ: khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 21/9/2016) (Vắng mặt).

2/ Ông NLQ2 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An.

* Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1941;

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/5/2016 của bà Nguyễn Thị G được tóm tắt như sau:**

Bà Nguyễn Thị G có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 5.305,7m^2, thửa số 9, tờ bản đồ số 22, có đo đạc thực tế, có bà NLQ1 chứng kiến và ký xác định ranh giới thửa đất rõ ràng. Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích còn 5.194,9m^2, giảm 110,8m^2.

Tại các biên bản hòa giải ngày 09/5/2013, ngày 06/11/2013 thì phần đất tranh chấp có diện tích 179,7m^2, đo đạc thực tế là 184,2m^2, thuộc một phần thửa số 12, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An. Thực tế bà G cho rằng bà NLQ1 đã lấn chiếm qua đất bà là 110,7m^2 (phần cấp giảm diện tích).

Về nguồn gốc đất 5.305,7m^2 là do gia đình bà G tạo lập, sử dụng ổn định trước năm 1975 đến nay. Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện bà NLQ1 lấn chiếm sử dụng. Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà NLQ1 trả lại nhưng bà NLQ1 không đồng ý.

Ủy ban nhân dân huyện CG có quyết định giải quyết khiếu nại số 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 công nhận 184,2m^2 cho bà NLQ1. Không đồng ý với quyết định này, bà G đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh LA. Ủy ban nhân dân tỉnh LA có quyết định 2004/QĐ-UBND, ngày 10/6/2015 giải quyết khiếu nại giữ nguyên quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện CG.

Bà G cho rằng quyết định 2004/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 giải quyết khiếu nại là không thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 và hủy quyết định 2004/QĐ-UBND ngày 10/6/2015.

*** Tại văn bản số 1184/UBND-TNMT, ngày 20/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG được tóm tắt như sau:**

Khoảng năm 1952, ông Nguyễn Văn C thuê đất của thầy kiện Chính diện tích trên 07ha. Đến năm 1971, theo luật người cày có ruộng, ông C được cấp quyền sở hửu diện tích đất nói trên và tiếp tục sử dụng đến năm 1975 (đính kèm chứng thư cấp quyền sở hữu). Sau năm 1975, ông C chia đất cho 07 người con, mỗi người 1ha gồm: Ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn L4, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn G1.

Thửa số 12, tờ bản đồ số 22, thị trấn CG hiện đang tranh chấp, khi đó là một phần trong 01ha mà ông B được chia. Khi nhà nước tiếp quản trại gia binh chế cũ đã giao cho Công an huyện làm trại giam. Do vị trí đất ông B có ranh giới tiếp giáp với trại giam, trại giam có sử dụng một phần đất của ông B đào ao lấy nước sinh hoạt nhưng không xác định diện tích là bao nhiêu và không có thu hồi, bồi thường giá trị đất.

Khoảng năm 1985-1986, ông Trần Văn S thấy phía sau trại giam có phần đất bờ ao trống, ông xin và được Công an trại giam cho cất 01 chòi nhỏ trên bờ ao để ở, trồng trọt, chăn nuôi. Năm 1989, do phần đất ông S sử dụng có nguồn gốc là của ông B, ông B đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã TB giải quyết (tại thời điểm này đất thuộc địa giới xã TB quản lý) và được xem xét giải quyết tại biên bản ngày 13/9/1989 như sau: ông Nguyễn Văn B nhượng gò đất cho ông Trần Văn S diện tích 487m2. Ông S trả cho ông B theo nhà nước quy định 2kg/m^2 x giá lúa 290đ/kg = 282.460đ, từ ngày 13/9/1989 đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn S. Đến ngày 17/11/1989, ông Trần Văn S làm giấy tay bán nhà và đất diện tích 487m^2 (không đo đạc thực tế) cho bà Bùi Hải L5 là nhân viên công ty dịch vụ tổng hợp với giá 4,3 chỉ vàng x 190.000đ/chỉ = 817.000đ. Đến ngày 04/02/1991, ông

Bùi Thăng L6 đại diện bà Bùi Hải L5 làm giấy tay sang nhượng nhà vườn cho bà NLQ1 với số tiền 1.000.000đ, việc mua bán không nói rõ diện tích, có nêu rõ tứ cận:

Bắc giáp ruộng ông Bảy X (chồng bà G)

Nam giáp ruộng ông B, ông L7

Đông giáp xí nghiệp thuốc lá

Tây giáp ruộng ông Bảy X

Sau khi mua nhà và đất, bà NLQ1 cho con là bà Nuyễn Thị Ngọc Đ cất nhà ở và sử dụng đất từ năm 1991 đến năm 2009. Do nền gò thấp, thường bị ngập nước vào mùa mưa. Bà NLQ1 cho bà Đ phần đất khác định cư, cách gò cũ trên 100m. Nền gò cũ để trống. Phần đất thuộc thửa 12, tờ bản đồ số 22, diện tích 184m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, trong hồ sơ địa chính quy chủ là bà NLQ1.

Như vậy, phần đất này đang tranh chấp không phải nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị G, từ trước và sau năm 1975 bà G không sử dụng là đúng. Đồng thời qua đối chiếu vị trí tứ cận, phần đất ông Bùi Thăng L6 bán cho bà NLQ1 và vị trí thưa đất số 12 diện nay là cùng vị trí. Bà G cho rằng bà NLQ1 có nói miệng trả lại phần đất này cho bà G, bà tranh chấp đòi lại để đăng ký cấp quyền sử dụng đất là không có cơ sở giải quyết.

Nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG có ý kiến giữ nguyên quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị G tranh chấp quyền sử dụng đất 184m^2 thuộc một phần thửa 12, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An.

*** Tại Văn bản số 2561/UBND-TCD, ngày 11/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA được tóm tắt như sau:**

Phần đất 184m^2, ông Nguyễn Văn C sử dụng từ năm 1952, sau năm 1975 ông C cho con là ông Nguyễn Văn B sử dụng. Thời điểm này nhà nước tiếp quản trại gia binh chế độ cũ giao công an huyện làm trại giam. Công an huyện sử dụng một phần đất của ông B giáp ranh với trại giam để đào ao chứa nước sinh hoạt, phần đất 184m^2 được sử dụng làm bờ ao.

Khoảng năm 1985, trại giam công an huyện đồng ý cho ông Trần Văn S sử dụng cất nhà ở trên phần đất bờ ao phía sau trại giam. Năm 1989, ông S chuyển nhượng đất lại cho bà Bùi Hải L5. Năm 1991, gia đình bà L5 chuyển nhượng đất lại cho bà NLQ1 quản lý, sử dụng đến nay.

Phần đất trên (đang tranh chấp) không có nguồn gốc của gia đình bà Nguyễn Thị G, bà G cũng không sử dụng phần đất này. Do đó, khi giải quyết tranh chấp

giữa bà G với bà NLQ1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG công nhận quyền sử dụng đất 184m^2 cho bà NLQ1 là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khẳng định quyết định 2004/QĐ-UBND, ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết tranh chấp đất giữa bà G với bà NLQ1 là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 21/2016/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Bác nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị G với bà NLQ1.

Bác nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy quyết định 2004/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA về việc giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị G với bà NLQ1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2016 người khởi kiện bà Nguyễn Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị G ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh LA.

Quan điểm của vị Luật sư bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người khởi kiện cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án. Vị Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt thẩm quyền trong quá trình giải quyết chưa thu thập điều tra các chứng cứ bên bà NLQ1. Vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G hủy toàn bộ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An hoặc Sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G hủy Quyết định số 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng

hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Các đương sự cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới và cũng không có thỏa thuận gì với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị G là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[1] Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2016/HC-ST ngày 13/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cần Giuộc và Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Bởi vì:

[2] Về nội dung vụ án, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn B được cha là ông Nguyễn Văn C chia cho. Ông B chuyển nhượng cho ông Trần Văn S, ông S chuyển nhượng cho bà Bùi Hải L5, bà L5 chuyển nhượng cho bà NLQ1. Không có nguồn gốc là của phía gia đình bà Nguyễn Thị G.

[3] Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị G với bà NLQ1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai.

Quyết định 2004/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA giải quyết tranh chấp, như vậy tính từ ngày bà G nhận quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện 17/5/2016 chưa quá 01 năm. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị G tranh chấp 110,8m^2 với bà NLQ1 phần đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG (trước đây thuộc xã TB). Trong quá trình thu thập chứng cứ bà NLQ1 cung cấp 03 văn bản giấy viết tay cụ thể như sau:

1. Biên bản xác nhận việc đền bù công lao động về việc đắp gò nhà, ký ngày 13/9/1989, có nội dung: Ông Nguyễn Văn B nhượng gò đất diện tích 487m^2 với số tiền 282.460 đồng cho ông Trần Văn S, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TB.

2. Biên bản xác nhận nhượng bán nhà và đất ký ngày 17/11/1989, có nội dung ông Trần Văn S nhượng bán cho chị Bùi Hải L5 một cái nhà và diện tích 487m^2 với giá 4,5 chỉ vàng 24k (không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã).

3. Giấy sang nhượng nhà vườn, ký ngày 04/02/1991, ông Bùi Thăng L6 thay mặt bà Bùi Hải L5 sang nhượng lại căn nhà và vườn cho bà NLQ1 với số tiền 1.000.000 đồng. Bắc giáp ông Bảy X, Nam giáp ruộng ông B, ông L7, Đông giáp xí nghiệp thuốc lá, Tây giáp ruộng ông Bảy X (Giấy sang nhượng không ghi diện tích, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã).

[4] Tại bản xác minh ngày 28/5/2014 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện CG đối với ông Nguyễn Văn B. Ông B xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là một phần trong đất của ông được cha ông là Nguyễn Văn C chia cho, năm 1989, ông B có đơn đến Ủy ban nhân dân xã TB xin lại đất ông Trần Văn S đang ở trên đất ông, xã giải quyết ông nhượng cho ông S 487m^2 đất, ông S trả cho ông 282.460 đồng.

Tại bản xác minh ngày 12/6/2014 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện CG đối với ông Trần Văn S. Ông S xác định ông có xin ông Trần Văn T2 công an huyện và đã cất 01 cái chòi trên bờ ao của Trại giam huyện để ở và trồng rau. Khoảng 1989, ông B làm đơn khiếu nại đòi lại đất ông S đang sử dụng. Ngày 13/9/1989 Ủy ban nhân dân xã TB giải quyết ông S phải trả 281.460 đồng cho ông B và ông S sử dụng diện tích 487m^2 đất. Đến ngày 17/11/1989, ông S bán phần đất này cho bà Bùi Hải L5.

Tại bản xác minh ngày 17/6/2014 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện Cần Guộc đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ (con và NLQ1). Bà Đ xác định phần đất thửa 12 là của bà NLQ1 mua, trên đất có nhà, cho bà Đ ở được 03 xác lá (01 xác lá là 03 năm). Quá trình sử dụng phía bà Nguyễn Thị G không có ý kiến gì. Đến năm 2006 nền gò nhà ngập nên bà NLQ1 cho phần đất khác để ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn B xác định phần đất tranh chấp là một phần đất của ông được cha là ông Nguyễn Văn C cho trước đây.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà G cung cấp bộ hồ sơ (photo) của chế độ cũ cấp vào năm 1933, có họa đồ thửa đất, có nội dung ông Nguyễn Văn N (cha chồng bà G) mua đất của bà Bùi Thị L7. Qua xem xét họa đồ không thể xác định vị trí, kích thước ranh thửa đất là đúng với vị trí, kích thước ranh phần đất tranh chấp. Do đó bộ hồ sơ vừa nêu không là chứng cứ chứng minh để giải quyết vụ kiện.

Qua kiểm tra tứ cận phần đất chuyển nhượng ghi trong giấy sang nhượng ngày 04/02/1991 giữa bà L5 với bà NLQ1 là đúng vị trí đất đang tranh chấp. Diện tích đất chuyển nhượng 487m^2 nay chỉ còn lại 184m^2 do trường chính trị lấy khi

xây dựng hàng rào. Hiện nay là thửa 12, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khu 3, thị trấn CG, huyện CG. Bà G tranh chấp 110,8m^2 đất trong thửa 12.

[6] Tại các biên bản xác minh ngày 28/5/2014, ngày 12/6/2014 nói trên và lời xác định của ông Nguyễn Văn B cho thấy nguồn gốc phần đất tranh chấp là một phần đất của ông Nguyễn Văn B được cha là ông Nguyễn Văn C cho trước đây. Hiện nay là của bà NLQ1 do chuyển nhượng từ bà Bùi Hải L5 mà có. Không có nguồn gốc từ gia đình của bà Nguyễn Thị G, bà G không sử dụng phần đất này. Bà G cho rằng huyện cấp thiếu 110,8m^2 để cho rằng một phần thửa 12 là của bà là không có căn cứ.

[7] Do đó, Quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị G với bà NLQ1, bác đơn của bà Nguyễn Thị G và Quyết định 2004/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA giải quyết tranh chấp giữ nguyên Quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG là có căn cứ.

[8] Các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA đã giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị G là đúng quy định của pháp luật.

[9] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị G cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho việc yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị G là không có cơ sở để thỏa mãn theo yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị G. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[12] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phại chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2016/HC-ST ngày 13/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

Bác nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định 8588/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị G với bà NLQ1.

Bác nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định 2004/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh LA về việc giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị G với bà NLQ1.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng bà G đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm xong tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An theo biên lai thu tiền số 0000402 ngày 25/10/2016 do đó không phải nộp nữa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Mười

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND Tỉnh Long An;
- Cục THADS Long An;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (2);
- Lưu (3).14b.(AN 18).